

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Bảo, ngày..05 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024
Đơn vị được xét duyệt: Trường Mầm non Trần Dương
Mã chương: 622

I. Thành phần xét duyệt:

1. Đại diện đơn vị dự toán được xét duyệt: **Trường Mầm non Trần Dương.**

Bà: Bùi Thị Huyền Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Bà: Nguyễn Thị Thúy Chức vụ: Kế toán

Bà: Đặng Thị Hương Chức vụ: Thủ quỹ

2. Đại diện cơ quan, đơn vị xét duyệt: **Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vĩnh Bảo.**

Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: Phó trưởng phòng

Ông: Đặng Quốc Hùng Chức vụ: Chuyên viên

Ông: Bùi Minh Tuấn Chức vụ: Cán bộ

II. Nội dung xét duyệt :

1. Phạm vi xét duyệt:

Quyết toán ngân sách năm 2024; thu chi học phí năm 2024; thu chi các quỹ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm 2024.

2. Số liệu quyết toán:

a) Quyết toán ngân sách năm 2024

- Số dư dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 6.715.393.000 đồng.
- Dự toán giảm trong năm (kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết 119/NQ-CP): 3.100.000 đồng.
- Dự toán được sử dụng trong năm: 6.712.293.000 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng và quyết toán: 6.712.293.000 đồng.
- Dự toán không sử dụng do không còn nhiệm vụ chi: 0 đồng.
- Số dư dự toán được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu QT3.1)

b) Quyết toán thu, chi học phí năm 2024.

- Số dư đầu kỳ: 91.134.986 đồng.
- Số thu trong kỳ: 335.031.000 đồng.
- Số kinh phí được sử dụng trong kỳ: 426.165.986 đồng.
- Số kinh phí đã sử dụng trong kỳ: 262.825.317 đồng.
- Số dư cuối kỳ: 163.340.669 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu QT 3.2; QT 3.3)

c) Quyết toán thu, chi quỹ ngoài ngân sách năm 2024.

- Số dư đầu kỳ: 362.205.284 đồng.
- Số thu trong kỳ: 4.616.071.108 đồng.
- Số kinh phí được sử dụng trong kỳ: 4.978.276.392 đồng.
- Số kinh phí đã sử dụng trong kỳ: 4.873.641.804 đồng.
- Số dư cuối kỳ: 104.634.588 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu QT 3.4)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:
Không có.

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đảm bảo về thời gian theo quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đảm bảo theo quy định.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

+ Đơn vị lập và chấp hành dự toán ngân sách năm 2024 đúng quy định.

+ Sổ sách theo dõi nguồn ngân sách nhà nước kế toán hạch toán theo đúng chương, loại, khoản trên phần mềm kế toán và đúng theo luật kế toán thống kê hiện hành.

+ Hồ sơ thu chi các khoản quỹ ngoài ngân sách cơ bản đầy đủ.

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: Không có

2. Kiến nghị:

Đề nghị đơn vị hoàn thiện hồ sơ chứng từ, sổ sách; lưu trữ theo thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh; quyết toán và lưu trữ theo quy định.

Biên bản này được lập thành 04 bản (mỗi bên giữ hai bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên .

Đại diện đơn vị được xét duyệt

Kế toán

Nguyễn Thị Thúy



P. Hiệu trưởng

Bùi Thị Huyền

Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch

Thành viên đoàn

Đặng Quốc Hùng

Phó Trưởng Phòng



Nguyễn Thị Hà

Bùi Minh Tuấn

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
TRƯỜNG MẦM NON TRẦN DƯƠNG

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH		
	Số được cấp	Đơn vị quyết toán	Phòng Tài chính duyệt
Dự toán còn lại của năm 2023 chuyển sang (nếu có)	0		
Dự toán giao trong năm	6.715.393.000		
Dự toán giảm trong năm (kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên)	3.100.000		
SỐ TIỀN	6.712.293.000	6.712.293.000	6.712.293.000
NHÓM I		6.160.961.249	6.160.961.249
+ Mục 6000		2.359.235.511	2.359.235.511
6001- Lương ngạch, bậc		2.359.235.511	2.359.235.511
+ Mục 6050		444.425.416	444.425.416
6051- Tiền công		444.425.416	444.425.416
+ Mục 6100		1.138.050.259	1.138.050.259
6101- Chức vụ		38.196.000	38.196.000
6105- P/c làm đêm; làm thêm giờ		8.753.040	8.753.040
6112- Phụ cấp ngành		825.371.530	825.371.530
6113- Trách nhiệm		1.710.000	1.710.000
6115- P/c thâm niên nghề, thâm niên vượt khung		264.019.689	264.019.689
+ Mục 6150		300.588.500	300.588.500
6199- Hỗ trợ khác (hỗ trợ học phí theo NQ 54)		300.588.500	300.588.500
+ Mục 6200		146.751.000	146.751.000
6201- Thưởng thường xuyên theo định mức		138.201.000	138.201.000
6202- Thưởng đột xuất		8.550.000	8.550.000
+ Mục 6300		721.214.563	721.214.563
6301- BHXH		524.422.684	524.422.684
6302- BHYT		92.545.178	92.545.178
6303- KPCĐ		57.974.114	57.974.114
6304- BHTN		30.848.392	30.848.392
6349- Các khoản đóng góp khác		15.424.195	15.424.195
+ Mục 6400		1.050.696.000	1.050.696.000
6449- Trợ cấp, phụ cấp khác		1.050.696.000	1.050.696.000
NHÓM II		472.611.397	472.611.397
+ Mục 6500		13.439.499	13.439.499
6501- Thanh toán tiền điện		11.632.287	11.632.287
6505- Tiền khoản phương tiện theo chế độ		1.807.212	1.807.212
+ Mục 6550		23.233.000	23.233.000
6552- Mua sắm CCDC VP		23.233.000	23.233.000

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH		
	Số được cấp	Đơn vị quyết toán	Phòng Tài chính duyệt
+ Mục 6600		216.000	216.000
6608- Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông; sách báo, tạp chí thư viện		216.000	216.000
+ Mục 6700		6.200.000	6.200.000
6702- Phụ cấp công tác phí		200.000	200.000
6703- Tiền thuê phòng ngủ		500.000	500.000
6704- Khoản công tác phí		5.500.000	5.500.000
+ Mục 6750		34.920.000	34.920.000
6758- Thuê đào tạo lại cán bộ		10.220.000	10.220.000
6799- Chi thuê mướn khác		24.700.000	24.700.000
+ Mục 6900		66.226.000	66.226.000
6912- Thiết bị tin học		8.000.000	8.000.000
6921- Đường điện, cấp thoát nước		6.393.000	6.393.000
6949- Các TSCĐ và c/trình hạ tầng cơ sở		51.833.000	51.833.000
+ Mục 6950		63.836.100	63.836.100
6954- Tài sản và thiết bị chuyên dùng		63.836.100	63.836.100
+ Mục 7000		264.540.798	264.540.798
7001- Chi mua HHVT cho CM		250.758.640	250.758.640
7049- Chi khác		13.782.158	13.782.158
NHÓM III		78.720.354	78.720.354
+ Mục 7750		78.720.354	78.720.354
7756- Các khoản phí, lệ phí		16.932.600	16.932.600
7766- Chi cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục công lập		40.842.500	40.842.500
7799- Chi các khoản khác		20.945.254	20.945.254
TỔNG CỘNG	6.712.293.000	6.712.293.000	6.712.293.000
Dự toán còn lại cuối năm 2024 (nếu có)	0		

Trần Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

ĐOÀN KIỂM TRA



Phó Hiệu trưởng PTT

Kế toán

Thành viên đoàn

Trưởng đoàn

Bùi Thị Huyền

Nguyễn Thị Thuý

Dặng Quốc Hùng

Nguyễn Thị Hà

Bùi Minh Tuấn



BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI TỪ NGUỒN HỌC PHÍ NĂM 2024
TRƯỜNG MẦM NON TRẦN DƯƠNG

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	HỌC PHÍ	
	Đơn vị quyết toán	Phòng Tài chính duyệt
Số dư đầu năm	91.134.986	91.134.986
Số thu trong năm	335.031.000	335.031.000
Kinh phí được sử dụng trong năm	426.165.986	426.165.986
Kinh phí đã sử dụng trong năm	262.825.317	262.825.317
Số dư cuối năm	163.340.669	163.340.669
CHI TIẾT CHI	262.825.317	262.825.317
NHÓM I	78.426.510	78.426.510
+ Mục 6050	42.410.880	42.410.880
6051- Tiền công	42.410.880	42.410.880
+ Mục 6250	21.500.000	21.500.000
6299- Khác	21.500.000	21.500.000
+ Mục 6300	14.515.630	14.515.630
6301- BHXH	10.158.080	10.158.080
6303- KPCĐ	4.357.550	4.357.550
NHÓM II	172.131.027	172.131.027
+ Mục 6500	42.478.000	42.478.000
6504- Thanh toán tiền VSMT	5.400.000	5.400.000
6549- Khác	37.078.000	37.078.000
+ Mục 6550	2.290.000	2.290.000
6552- Mua sắm CCDC VP	2.290.000	2.290.000
+ Mục 6600	5.305.037	5.305.037
6617- Cước phí Internet	5.305.037	5.305.037
+ Mục 6700	336.976	336.976
6702- Phụ cấp công tác phí	336.976	336.976
+ Mục 6750	7.020.000	7.020.000
6758- Thuê đào tạo lại cán bộ	7.020.000	7.020.000
+ Mục 6900	49.227.150	49.227.150
6912- Thiết bị tin học	26.470.150	26.470.150
6949- Các TSCĐ và c/trình hạ tầng cơ sở	22.757.000	22.757.000
+ Mục 7000	65.473.864	65.473.864
7001- Chi mua HHVT cho CM	46.343.800	46.343.800
7003- Mua, in ấn, photo t/liệu	9.768.064	9.768.064
7053- Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	9.362.000	9.362.000
NHÓM III	12.267.780	12.267.780
+ Mục 7750	12.267.780	12.267.780

TỔNG HỢP THU, CHI HỌC PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG
NĂM 2024

DVT: đồng

TT	Nội dung	Dư đầu năm	Cấp trong năm	Tổng dự toán được sử dụng trong năm	Tổng dự toán đã sử dụng trong năm	Dư cuối năm
A	B	I	2	3=I+2	4	5=3-4
1	Học phí năm 2024	91.134.986	335.031.000	426.165.986	262.825.317	163.340.669

KÊ TOÁN

Nguyễn Thị Thuý

Trần Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PTT



Bùi Thị Huyền

TRƯỜNG MẦM NON TRẦN DƯƠNG

TỔNG HỢP THU, CHI CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2022/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2023/NQ-HĐND

CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2024

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dư đầu kỳ	Thu trong kỳ	Tổng thu trong kỳ	Tổng chi trong kỳ	Dư cuối kỳ
A	B	I	2	3=1+2	4	5=3-4
	Tổng cộng	362.205.284	4.616.071.108	4.978.276.392	4.873.641.804	104.634.588
1	Quản lý ngoài giờ hành chính(trực trưa)	0	1.354.473.570	1.354.473.570	1.354.473.570	0
2	DV chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7	0	405.754.080	405.754.080	405.754.080	0
3	Học tiếng anh	0	59.359.850	59.359.850	59.359.850	0
4	Chất đốt, điện nước bán trú	16.762.794	193.899.182	210.661.976	210.661.976	0
5	Phục vụ ăn bán trú	224.446.000	1.867.223.200	2.091.669.200	2.060.033.842	31.635.358
6	Hỗ trợ nhân viên nấu ăn, chăm ăn	0	330.050.060	330.050.060	330.050.060	0
7	Phục vụ hoạt động bán trú của trẻ	32.195.140	97.140.000	129.335.140	105.689.682	23.645.458
8	Cơ sở vật chất	40.906.682	163.463.350	204.370.032	167.027.000	37.343.032
9	Phúc lợi và thuế	37.477.083	126.545.390	164.022.473	152.811.744	11.210.729
10	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	518.585	18.162.426	18.681.011	17.930.000	751.011
11	Điều tra phổ cập giáo dục	9.899.000	0	9.899.000	9.850.000	49.000

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thuý

THỦ QUỸ

Đặng Thị Hương

Trần Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PTT



Bùi Thị Huyền